

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

VFC Tower, 29 Tôn Đức Thắng, Q.1, Tp.HCM



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH



*Chất lượng đích thực*

Quý 03 năm 2010

*Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/09/2010*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: VND/USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>404,924,025,945</b>	<b>354,444,994,281</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>57,093,072,064</b>	<b>64,419,650,399</b>
1. Tiền	111		57,093,072,064	64,419,650,399
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>158,520,157,098</b>	<b>167,534,650,083</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	156,845,215,147	166,632,768,695
2. Trả trước cho người bán	132		641,181,184	20,380,360
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	1,393,248,691	1,259,403,952
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.4	(359,487,924)	(377,902,924)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>182,913,563,664</b>	<b>118,787,006,944</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	182,913,563,664	119,849,212,459
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	-	(1,062,205,515)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6,397,233,119</b>	<b>3,703,686,855</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1,062,464,894	251,247,151
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,621,757,986	1,266,130,557
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	27,468,526
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	2,713,010,239	2,158,840,621

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>295,770,223,806</b>	<b>285,547,329,770</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>52,092,611,717</b>	<b>39,716,214,265</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	32,639,278,705	19,488,245,901
<i>Nguyên giá</i>	222		67,118,651,735	51,201,417,056
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(34,479,373,030)	(31,713,171,155)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16,800,367,078	14,789,603,033
<i>Nguyên giá</i>	228		18,059,821,539	15,874,994,539
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,259,454,461)	(1,085,391,506)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2,652,965,934	5,438,365,331
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>37,059,326,408</b>	<b>37,661,415,449</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		40,686,247,323	40,103,855,723
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(3,626,920,915)	(2,442,440,274)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>206,183,027,793</b>	<b>207,668,637,793</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	194,168,637,793	194,168,637,793
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	19,312,190,000	19,312,190,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(7,297,800,000)	(5,812,190,000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>435,257,888</b>	<b>501,062,263</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	341,579,330	427,383,705
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	93,678,558	73,678,558
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>700,694,249,751</b>	<b>639,992,324,051</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>283,277,190,454</b>	<b>256,359,166,804</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>238,143,155,789</b>	<b>211,687,335,236</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	102,451,397,882	74,224,411,546
2. Phải trả người bán	312	V.19	86,015,418,345	101,098,833,769
3. Người mua trả tiền trước	313		1,392,720,814	448,440,642
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	15,307,013,433	21,854,345,005
5. Phải trả người lao động	315		1,914,237,998	6,685,379,709
6. Chi phí phải trả	316	V.21	1,047,439,245	429,606,687
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	18,692,509,488	1,172,746,331
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	11,322,418,584	5,773,571,547
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>45,134,034,665</b>	<b>44,671,831,568</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.24	43,214,621,455	42,756,229,401
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	1,919,413,210	1,915,602,167
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>417,417,059,297</b>	<b>383,633,157,247</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>417,417,059,297</b>	<b>383,633,157,247</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	97,584,440,000	81,338,550,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		70,731,808,592	70,731,808,592
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(702,100,000)	(702,100,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		113,978,604,126	93,462,382,278
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		20,000,000,000	20,000,000,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		115,824,306,579	118,802,516,377
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>700,694,249,751</b>	<b>639,992,324,052</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/09/2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND/USD

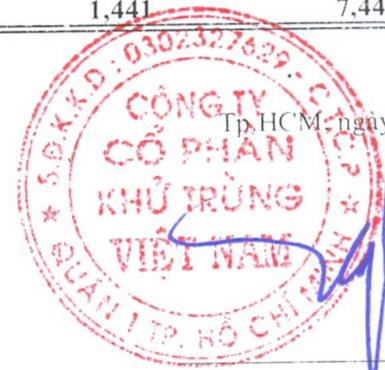
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến	
			2010	2009	Quý 3 / 2010	Quý 3 / 2009
1. Doanh thu về BH và c/cấp DV	01	VI.1	247,330,450,699	151,697,687,092	752,389,970,550	611,277,893,751
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	4,762,834,615	2,350,096,725	11,709,669,440	7,745,230,601
3. Doanh thu thuần về BH và c/cấp DV	10	VI.1	242,567,616,084	149,347,590,367	740,680,301,110	603,532,663,150
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	182,156,637,915	109,232,525,223	557,438,532,896	435,057,290,649
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/cấp DV	20		60,410,978,169	40,115,065,144	183,241,768,214	168,475,372,501
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	551,186,282	1,172,536,906	1,999,917,299	2,972,807,396
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7,397,308,560	3,002,496,654	22,189,212,632	12,605,318,569
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4,586,734,356	1,577,538,205	9,879,513,258	3,850,005,164
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	16,331,033,850	17,819,341,838	45,853,418,958	45,090,422,512
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6,769,114,701	5,018,788,072	19,806,820,303	18,393,735,309
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ KD	30		30,464,707,340	15,446,975,486	97,392,233,620	95,358,703,507
11. Thu nhập khác	31	VI.7	467,236,536	167,202,889	582,771,174	230,842,385
12. Chi phí khác	32	VI.8	46,011,831	5,000,551	780,595,694	234,641,121
13. Lợi nhuận khác	40		421,224,765	162,302,338	(197,824,520)	(3,798,736)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30,885,932,045	15,609,277,824	97,194,409,100	95,354,904,771
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.20	7,721,483,012	3,902,319,456	24,658,418,564	23,983,260,656
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		23,164,449,033	11,706,958,368	72,535,990,536	71,371,644,115
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2,376	1,441	7,441	8,786



Nguyễn Văn Hiếu  
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Dung  
Kế toán trưởng



Trương Công Cứ  
Tổng Giám Đốc

Tp.HCM, ngày 30 tháng 10 năm 2010

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 3 năm 2010  
( Theo phương pháp trực tiếp )

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN	
			30/09/2010	30/09/2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		790,633,432,425	643,855,853,961
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(703,856,605,280)	(499,166,886,548)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(33,596,870,902)	(28,606,355,439)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(9,916,828,738)	(4,363,097,495)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(31,132,888,840)	(26,982,980,193)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		37,455,053,652	22,349,690,441
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(60,922,661,866)	(81,154,370,179)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(11,337,369,549)</b>	<b>25,931,854,548</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16,209,969,558)	(1,412,324,616)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		32,200,000	35,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,000,000,000)	(128,700,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10,000,000,000	66,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(5,310,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,701,880,702	2,027,130,429
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(14,475,888,856)</b>	<b>(67,360,194,187)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		441,221,636,142	336,900,263,425
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(412,986,722,072)	(294,867,471,800)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9,748,234,000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>18,486,680,070</b>	<b>42,032,791,625</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(7,326,578,335)</b>	<b>604,451,986</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>64,419,650,399</b>	<b>44,458,692,628</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>57,093,072,064</b>	<b>45,063,144,614</b>

Người lập biểu



Nguyễn Văn Hiếu

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Ngọc Dung

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2010



Tổng Giám đốc



Trương Công Cứ

# **CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Quý 3 năm 2010**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, mua bán thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở); Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác; Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng; Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ chống mối mọt; Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng – đề đập – khách sạn – nhà hàng; Cho thuê kho bãi.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

### 6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

### 7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là tòa nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.5.

### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### 10. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### *Chi phí đền bù, giải tỏa*

Chi phí phát sinh để giải phóng mặt bằng xây dựng văn phòng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

#### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

#### *Chi phí xây dựng văn phòng trên đất thuê*

Chi phí xây dựng văn phòng trên đất thuê được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

### 11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

### 12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 30/06/2010 : 18.544 VND/USD  
30/09/2010 : 18.932 VND/USD

### 16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Tiền mặt	5.355.508.400	2.571.706.221
Tiền gửi ngân hàng	51.618.563.664	61.692.944.178
Tiền đang chuyển	119.000.000	155.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>57.093.072.064</u></b>	<b><u>64.419.650.399</u></b>

### Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn -

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Khách hàng khử trùng	15.048.245.423	8.183.569.268
Khách hàng nông dược	134.521.034.724	154.089.149.048
Khách hàng PCO	6.003.951.913	3.657.320.572
Khách hàng đi thuê VP	1.271.983.087	702.729.807
<b>Cộng</b>	<b><u>156.845.215.147</u></b>	<b><u>166.632.768.695</u></b>

### 3. Các khoản phải thu khác

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Phải thu nhân viên; thuế thu nhập cá nhân đã nộp hộ	470.025.347	560.002.264
Phải thu BHXH người lao động	216.131.260	-
Nộp trước BHXH, BHYT	-	-
Phải thu Công ty TNHH Hải Yến các khoản đã chi hộ	393.576.000	189.576.000
Phải thu khác	313.516.084	509.825.688
<b>Cộng</b>	<b><u>1.393.248.691</u></b>	<b><u>1.259.403.952</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	29.027.625	29.027.625
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	103.105.988	121.520.988
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	155.153.356	155.153.356
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	72.200.955	72.200.955
<b>Cộng</b>	<b><u>359.487.924</u></b>	<b><u>377.902.924</u></b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	5.103.467.440
Nguyên liệu, vật liệu	77.999.119.580	44.637.551.406
Công cụ, dụng cụ	1.829.247.814	1.195.509.271
Thành phẩm	33.999.518.377	29.444.604.652
Hàng hóa	66.311.862.074	39.464.380.104
Hàng gửi đi bán	2.773.815.819	3.699.586
<b>Cộng</b>	<b><u>182.913.563.664</u></b>	<b><u>119.849.212.459</u></b>

**6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Nguyên liệu, vật liệu	-	1.058.132.763
Thành phẩm, hàng hóa	-	4.072.752
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.062.205.515</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu quý	1.062.205.515
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(1.062.205.515)
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>-</u></b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Tiền thuê VP làm việc, thuê kho	227.590.300	152.940.694
Công cụ, dụng cụ	92.609.107	98.306.457
Bảo hiểm	136.428.284	
Khác	605.837.203	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.062.464.894</u></b>	<b><u>251.247.151</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****8. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Tạm ứng	2.585.221.541	2.100.223.693
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	127.788.698	58.616.928
<b>Cộng</b>	<b><u>2.713.010.239</u></b>	<b><u>2.158.840.621</u></b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	13.064.969.042	6.961.092.723	26.670.228.973	4.505.126.318	51.201.417.056
Tăng trong quý	5.552.801.568	725.861.336	10.260.521.911	583.084.431	17.122.269.246
Mua sắm mới	-	725.861.336	10.260.521.911	583.084.431	11.569.467.678
Kết chuyển từ XD CB	5.552.801.568	-	-	-	5.552.801.568
Điều chỉnh nội bộ	-	-	-	-	-
Giảm trong quý	-	142.896.086	521.578.188	540.560.293	1.205.304.567
Thanh lý, nhượng bán	-	-	521.578.188	63.372.070	584.950.258
Kết chuyển công cụ	-	142.896.086	-	477.188.223	620.084.309
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>18.617.770.610</u></b>	<b><u>7.544.057.973</u></b>	<b><u>36.409.172.696</u></b>	<b><u>4.547.650.456</u></b>	<b><u>67.118.651.735</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.859.248.743	4.488.739.276	8.514.522.111	2.028.349.223	19.890.859.353
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	9.746.568.892	5.507.329.627	13.967.492.088	2.491.780.548	31.713.171.155
Khấu hao trong quý	686.792.606	481.209.614	2.761.838.983	506.866.768	4.436.707.971
Giảm trong quý	322.218.259	337.897.403	485.357.480	525.032.954	1.670.506.096
Thanh lý, nhượng bán	-	82.114.058	404.093.808	47.844.731	534.052.597
Kết chuyển công cụ	-	142.896.086	-	477.188.223	620.084.309
Khác	322.218.259	112.887.259	81.263.672	-	516.369.200
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>10.111.143.239</u></b>	<b><u>5.650.641.838</u></b>	<b><u>16.243.973.591</u></b>	<b><u>2.473.614.362</u></b>	<b><u>34.479.373.030</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	3.318.400.150	1.453.763.096	12.702.736.885	2.013.345.770	19.488.245.901
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>8.506.627.371</u></b>	<b><u>1.893.416.135</u></b>	<b><u>20.165.199.105</u></b>	<b><u>2.074.036.094</u></b>	<b><u>32.639.278.705</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	15.874.994.539
Mua trong quý	2.184.827.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>18.059.821.539</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	1.085.391.506
Khấu hao trong quý	174.062.955
<b>Số cuối quý</b>	<u><u>1.259.454.461</u></u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	14.789.603.033
<b>Số cuối quý</b>	<u><u>16.800.367.078</u></u>

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong quý</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong quý</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối quý</u>
- Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
- XDCB dở dang	5.438.365.331	3.543.172.876	7.737.628.869	-	1.243.909.338
.Trụ sở CN Kiên Giang	-	201.690.818	-	-	201.690.818
.Mở rộng Nhà máy Lê Minh Xuân	3.560.617.970	529.253.875	4.089.871.845	-	-
.Công trình vườn Quốc gia Ba Vì	69.580.000	-	-	-	69.580.000
.VP làm việc CN Đăklăk	608.167.361	854.762.663	1.462.930.024	-	-
.Chuyển nhượng quyền SD đất tại Kiên Giang	1.200.000.000	984.827.000	2.184.827.000-	-	-
.Chuyển nhượng quyền SD đất tại Hà Nội	-	972.638.520	-	-	972.638.520
- Sửa chữa lớn TSCĐ	-	1.409.056.596	-	-	1.409.056.596
. Phòng họp toà nhà VFC Tower	-	1.409.056.596	-	-	1.409.056.596
<b>Cộng</b>	<u><u>5.438.365.331</u></u>	<u><u>4.952.229.472</u></u>	<u><u>7.737.628.869</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>2.652.965.934</u></u>

**12. Tăng giảm bất động sản đầu tư**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	7.619.891.500	32.483.964.223	40.103.855.723
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-
Xây dựng cơ bản chuyển sang	-	582.391.600	582.391.600
<b>Số cuối quý</b>	<u><u>7.619.891.500</u></u>	<u><u>33.066.355.823</u></u>	<u><u>40.686.247.323</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà</u>	<u>Cộng</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	2.442.440.274	2.442.440.274
Khấu hao trong quý	-	1.184.480.641	1.184.480.641
<b>Số cuối quý</b>	<b>-</b>	<b>3.626.920.915</b>	<b>3.626.920.915</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	7.619.891.500	30.041.523.949	37.661.415.449
<b>Số cuối quý</b>	<b>7.619.891.500</b>	<b>29.439.434.908</b>	<b>37.059.326.408</b>

Các bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Quyền sử dụng đất tại số 29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	7.619.891.500	7.619.891.500
Tòa nhà Văn phòng tại số 29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	29.654.642.966	26.266.912.007
Tòa nhà Văn phòng tại số 292 đường 2/9, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	3.411.712.857	3.172.522.901
<b>Cộng</b>	<b>40.686.247.323</b>	<b>37.059.326.408</b>

**13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty TNHH Hải Yến	66,67%	294,17%	179.514.814.098
Công ty Cổ phần Thương mại Nông nghiệp Sông Mê công	40%	34.47%	13.790.000.000
Công ty Cổ phần Giám định Lửa Việt	35,77%	35,77%	863.823.695
<b>Cộng</b>			<b>194.168.637.793</b>

Chi tiết các khoản đầu tư đến ngày 30 tháng 09 năm 2010 như sau:

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Đầu tư vốn</u>	<u>Chi phí đầu tư</u>		<u>Cộng</u>
Công ty TNHH Hải Yến <sup>(a)</sup>	176.500.000.000	3.014.814.098	-	179.514.814.098
Công ty Cổ phần Thương mại Nông nghiệp Sông Mê công <sup>(b)</sup>	13.790.000.000	-	-	13.790.000.000
Công ty Cổ phần Giám định Lửa Việt <sup>(c)</sup>	830.000.000	33.823.695	-	863.823.695
<b>Cộng</b>	<b>191.120.000.000</b>	<b>3.048.637.793</b>		<b>194.168.637.793</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- (a) Công ty TNHH Hải Yến hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702000784 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 12 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp với vốn điều lệ là 60.000.000.000 VND. Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Khử trùng và Giám định theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 66,67% và Công ty Thực phẩm và Đầu tư Công nghệ là 33,33%. Tuy nhiên, Công ty thực tế đã đầu tư 176.500.000.000 VND. Hiện các bên đầu tư chưa đạt được sự thỏa thuận về tỷ lệ góp vốn, vì vậy giá trị đầu tư này có thể có sự thay đổi do chuyển sang ghi nhận một phần là khoản phải thu để phù hợp với thỏa thuận góp vốn giữa các bên.
- (b) Công ty Cổ phần Thương mại Nông nghiệp Sông Mê không hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000101 ngày 20 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp với vốn điều lệ là 40.000.000.000 VND. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam góp 16.000.000.000 VND tương đương 40% vốn điều lệ. Đến ngày 30 tháng 09 năm 2010, Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam đã góp 13.790.000.000 VND.
- (c) Công ty Cổ phần Giám định Lửa Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003586 ngày 12 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ là 2.320.000.000 VND. Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam đầu tư 830.000.000 VND tương đương 35,77% vốn điều lệ.

### 14. Đầu tư dài hạn khác

	30/09/2010	01/01/2010
Mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông dược HAI	17.227.800.000	17.227.800.000
Mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	2.084.390.000	2.084.390.000
<b>Cộng</b>	<b>19.312.190.000</b>	<b>19.312.190.000</b>

### 15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

### 16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong quý	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong quý	Số cuối quý
Công cụ dụng cụ	98.701.397	287.628.707	212.837.925	173.492.179
Chi phí sửa chữa	226.539.411		84.952.260	141.587.151
Chi phí xây dựng văn phòng trên đất thuê	102.142.897	-	102.142.897	-
Chi phí khảo nghiệm	-	53.000.000	26.500.000	26.500.000
<b>Cộng</b>	<b>427.383.705</b>	<b>340.628.707</b>	<b>426.433.082</b>	<b>341.579.330</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****17. Tài sản dài hạn khác**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Đặt cọc thuê văn phòng, thuê trạm, thuê kho	87.000.000	67.000.000
Ký quỹ tiền điện sinh hoạt	2.000.000	2.000.000
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng Pco	4.678.558	4.678.558
<b>Cộng</b>	<b><u>93.678.558</u></b>	<b><u>73.678.558</u></b>

**18. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh <sup>(a)</sup>	74,303,294,468	43.202.759.689
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam <sup>(b)</sup>	28,148,103,414	31.021.651.857
<b>Cộng</b>	<b><u>102.451.397.882</u></b>	<b><u>74.224.411.546</u></b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu khách hàng thông qua tài khoản tại Ngân hàng HSBC ít nhất bằng 100% tổng dư nợ tại mọi thời điểm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu quý	120.461.370.037
Số tiền vay phát sinh trong quý	167.768.249.438
Số tiền vay đã trả trong quý	(185.778.221.593)
Chênh lệch tỷ giá	-
Số cuối quý	<b><u>102.451.397.882</u></b>

**19. Phải trả người bán**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Các nhà cung cấp	86.015.418.345	101.098.833.769
<b>Cộng</b>	<b><u>86.015.418.345</u></b>	<b><u>101.098.833.769</u></b>

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.020.154.392	2.696.594.131
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.545.927.989	1.057.761.673
Thuế nhập khẩu	135.450.281	135.528.037
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.472.046.143	16.986.543.670
Thuế thu nhập cá nhân	1.068.605.193	703.002.102
Các loại thuế khác	64.829.435	28.066.048
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	246.849.344
<b>Cộng</b>	<b><u>15.307.013.433</u></b>	<b><u>21.854.345.005</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Hàng hóa và dịch vụ xuất vào khu chế xuất	0%
Hàng nông dược	5%
Dịch vụ cung cấp khác	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý được dự tính như sau:

	<u>Quý 3 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.885.932.045	137.559.075.333
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	2.451.256.958
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(676.605.784)
Tổng thu nhập tính thuế	30.885.932.045	139.333.726.507
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>7.721.483.012</b>	<b>34.833.431.627</b>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	144.534.463
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>7.721.483.012</u></b>	<b><u>34.977.966.090</u></b>

**Các loại thuế khác, phí và lệ phí** : Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**21. Chi phí phải trả**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp năm 2009 thanh toán năm 2010.	-	429.606.687
Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp Quý 3 năm 2010 thanh toán Quý 4 năm 2010.	1.047.439.245	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.047.439.245</u></b>	<b><u>429.606.687</u></b>

**22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	143.452.548	201.907.246
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	541.418.319	152.577.581
Phải trả Cty TNHH Hải Yến tiền vay	17.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.007.638.621	818.261.504
<b>Cộng</b>	<b><u>18.692.509.488</u></b>	<b><u>1.172.746.331</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

<b>23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>		
Số đầu quý	18.029.892.184	107.002.723
Số tăng trong quý	-	9.919.701.082
Tăng khác trong quý	183.800.000	728.200.000
Số chi trong quý	(6.891.273.600)	(4.981.332.258)
<b>Số cuối quý</b>	<b>11.322.418.584</b>	<b>5.773.571.547</b>
<b>24. Phải trả dài hạn khác</b>		
	<b>30/09/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.529.721.455	5.071.329.401
Nhận góp vốn của nhân viên để đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến	34.784.900.000	34.784.900.000
Phải trả vốn dự trữ Quốc gia	2.900.000.000	2.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.214.621.455</b>	<b>42.756.229.401</b>
<b>25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm</b>		
Số đầu quý	1.914.530.317	1.928.197.026
Số trích lập trong quý	121.663.693	193.858.216
Số chi trong quý	(116.780.800)	(206.453.075)
<b>Số cuối quý</b>	<b>1.919.413.210</b>	<b>1.915.602.167</b>

**26. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

**Cổ phiếu**

	<b>30/09/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.758.444	8.133.855
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.758.444	8.133.855
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.758.444	8.133.855
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	10.210	10.210
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.210	10.210
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.748.234	8.123.645
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.748.234	8.123.645
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính:**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 3 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>247.330.450.699</b>	<b>826.831.668.359</b>
- Doanh thu bán hàng	204.194.489.037	687.453.296.353
- Doanh thu dịch vụ	39.128.460.275	127.101.155.479
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	4.007.501.387	12.277.216.527
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>(4.762.834.615)</b>	<b>(13.987.505.176)</b>
- Chiết khấu thương mại	(4.762.834.615)	(13.766.231.488)
- Hàng bán bị trả lại	-	(221.273.688)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>242.567.616.084</b>	<b>812.844.163.183</b>
- Doanh thu thuần bán hàng	199.431.654.422	673.465.791.177
- Doanh thu thuần dịch vụ	39.128.460.275	127.101.155.479
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	4.007.501.387	12.277.216.527

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý 3 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
- Giá vốn bán hàng	153.454.163.309	507.867.421.526
- Giá vốn dịch vụ	27.708.817.803	80.512.523.607
- Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	993.656.803	2.933.634.131
<b>Cộng</b>	<b>182.156.637.915</b>	<b>591.313.579.264</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý 3 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	240.061.063	824.695.914
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	1.999.050.556
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	676.605.784
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.796.360.074
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.332.767.381
Doanh thu tài chính khác	311.125.219	-
<b>Cộng</b>	<b>551.186.282</b>	<b>6.629.479.709</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	<u>Quý 3 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Chi phí lãi vay	4.586.734.356	5.396.335.517
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	194.417.070
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.750.574.204	9.937.092.453
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	60.000.000	(5.400.000.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>7.397.308.560</u></b>	<b><u>10.127.845.040</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý 3 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Chi phí cho nhân viên	5.177.767.864	15.902.546.306
Chi phí vật liệu	114.395.109	189.914.150
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	673.102.268	1.381.582.236
Chi phí xuất hàng khuyến mãi	1.164.327.106	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.818.968	-
Chi phí khác	9.100.622.535	36.122.495.044
<b>Cộng</b>	<b><u>16.331.033.850</u></b>	<b><u>53.596.537.736</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý 3 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.969.948.980	10.785.410.982
Chi phí vật liệu	46.875.054	28.376.023
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.003.418	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	558.370.228	1.276.633.929
Thuế, phí và lệ phí	10.111.100	6.000.000
Chi phí dự phòng	97.160.047	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.455.024	182.784.818
Chi phí bằng tiền khác	3.969.190.850	14.224.506.248
<b>Cộng</b>	<b><u>6.769.114.701</u></b>	<b><u>26.503.712.000</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Quý 3 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	199.090.909	270.818.182
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	266.097.600	-
Các khoản nợ không xác định được chủ	-	-
Khách hàng trả tiền thừa	1.837.777	-
Tài sản thừa do kiểm kê	-	-
Thu nhập khác	210.250	188.406.938
<b>Cộng</b>	<b><u>467.236.536</u></b>	<b><u>459.225.120</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****8. Chi phí khác**

	<u>Quý 3 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Giá trị còn lại tài sản thanh lý, nhượng bán	-	-
Chi phí phạt, bồi thường hợp đồng	-	119.117.921
Thuế bị phạt, bị truy thu	4.189.758	330.555.284
Chi phí loại trừ khi tính Thuế TNDN	-	-
Hủy thuốc hết date	-	-
Chi phí khác	41.822.073	382.445.434
<b>Cộng</b>	<b>46.011.831</b>	<b>832.118.639</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP****Các giao dịch không bằng tiền**

Trong quý, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Quý 3 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn	-	7.383.550.000
Cổ phiếu lẻ giữ lại làm cổ phiếu quỹ	-	-
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	-	-

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**Giao dịch với các bên liên quan khác***Bên liên quan**

Công ty TNHH Hải Yến  
 Công ty Cổ phần Giám định Lửa Việt

**Mối quan hệ**

Công ty liên doanh  
 Công ty liên kết

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2010



**Nguyễn Văn Hiếu**  
 Người lập biểu



**Nguyễn Ngọc Dung**  
 Kế toán trưởng



**Trương Công Cứ**  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/09/2010

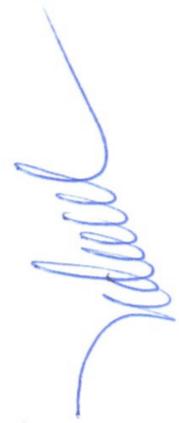
**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu quý 2/2010	81,338,550,000	70,731,808,592	- 702,100,000	93,462,382,278	20,000,000,000	144,588,258,669	409,418,899,539
Phát hành cổ phiếu thương 10:2	16,245,890,000	-	-	-	-	(16,245,890,000)	-
Phân phối quỹ theo Nghị quyết	-	-	-	20,516,221,848	-	(41,032,443,696)	(20,516,221,848)
Trả cổ tức 2009 (8%) theo Nghị quyết	-	-	-	-	-	(6,498,916,000)	(6,498,916,000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị năm 2009 theo Nghị quyết	-	-	-	-	-	(1,188,716,638)	(1,188,716,638)
Lợi nhuận sau thuế Quý 2/2010	-	-	-	-	-	23,585,799,211	23,585,799,211
Tạm trích thù lao	-	-	-	-	-	(600,000,000)	(600,000,000)
Hội đồng quản trị năm 2010	-	-	-	-	-	(600,000,000)	(600,000,000)
<b>Số dư cuối quý 2/2010</b>	<b>97,584,440,000</b>	<b>70,731,808,592</b>	<b>(702,100,000)</b>	<b>113,978,604,126</b>	<b>20,000,000,000</b>	<b>102,608,091,546</b>	<b>404,200,844,264</b>
Số dư đầu quý 3/2010	97,584,440,000	70,731,808,592	- 702,100,000	113,978,604,126	20,000,000,000	102,608,091,546	404,200,844,264
Lợi nhuận sau thuế Quý 3/2010	-	-	-	-	-	23,164,449,033	23,164,449,033
Tạm ứng cổ tức lần 1 - 2010 (10%)	-	-	-	-	-	(9,748,234,000)	(9,748,234,000)
Tạm trích thù lao	-	-	-	-	-	(200,000,000)	(200,000,000)
Hội đồng quản trị năm 2010	-	-	-	-	-	(200,000,000)	(200,000,000)
<b>Số dư cuối quý 3/2010</b>	<b>97,584,440,000</b>	<b>70,731,808,592</b>	<b>(702,100,000)</b>	<b>113,978,604,126</b>	<b>20,000,000,000</b>	<b>115,824,306,579</b>	<b>417,417,059,297</b>



Nguyễn Văn Hiếu  
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Dung  
Kế toán trưởng



Trương Công Cứ  
Tổng Giám đốc